

Số: 55/2025/CV_KĐ

TP.HCM, ngày 29 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC VÀ KẾT QUẢ
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI
LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY**

Kính gửi:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”)

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ) : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN (“Công ty”)**
- Tên viết tắt : **KHADIHOUSE JSC**
- Địa chỉ trụ sở chính : **Phòng 1 và 2, Lầu 11 SaiGon Centre, 67 Lê Lợi, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
- Số điện thoại : **(84-28) 3820 8858** Fax: **(84-28) 3820 8859**
Website : **<https://www.khangdien.com.vn>**
- Vốn điều lệ : **10.111.425.650.000 đồng**
- Mã cổ phiếu : **KDH**
- Nơi mở tài khoản thanh toán : **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM**
Số hiệu tài khoản : **110.000.005.034**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0302588596 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/5/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 33, ngày 15/01/2025
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

❖ PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2024

- Tên cổ phiếu : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền**
- Loại cổ phiếu : **Cổ phiếu phổ thông**
- Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành : **1.011.142.565 cổ phiếu**
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : **1.011.142.565 cổ phiếu**
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : **0 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : **101.114.256 cổ phiếu**
- Tỷ lệ thực hiện quyền : **100:10 (Mỗi cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận cổ tức là 10 cổ phiếu mới)**



6. Nguồn vốn phát hành : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tính đến ngày 31/12/2024 theo Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán
7. Phương án xử lý phân l   cổ phần, cổ phiếu l  : Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu l   phát sinh dưới 01 (một) đơn vị sẽ được hủy bỏ, không được phát hành.
8. Ngày kết thúc đợt phát hành : 18/7/2025
9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu : Dự kiến trong tháng 8/2025.

❖ **PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY**

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 1.011.142.565 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 1.011.142.565 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 9.960.000 cổ phiếu, tương ứng 0,985% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành
5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động)
6. Giá phát hành (trường hợp bán cổ phiếu cho người lao động): 14.000 đồng/cổ phiếu
7. Nguồn vốn phát hành (trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động): Không áp dụng
8. Ngày kết thúc đợt phát hành : 23/7/2025
9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu : Dự kiến trong tháng 8/2025.

III. KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

❖ **KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TÚC NĂM 2024**

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối : 101.112.334 cổ phiếu, trong đó:
 - Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông theo tỷ lệ: 101.112.334 cổ phiếu cho 14.402 cổ đông;
 - Số cổ phiếu xử lý phân l   cổ phần, cổ phiếu l  : 1.922 cổ phiếu đã được hủy bỏ.
2. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 18/7/2025): 1.112.254.899 cổ phiếu (chưa bao gồm 9.960.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty), trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại ngày 18/7/2025): 1.112.254.899 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

❖ **KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY**

1. Số cổ phiếu đã phân phối : 9.960.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành
2. Số người lao động được phân phối : 244 người
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 23/7/2025): 1.122.214.899 cổ phiếu (đã bao gồm 9.960.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và 101.112.334 cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2024), trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.122.214.899 cổ phiếu;

- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.

IV. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Danh sách người lao động tham gia đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty;
2. Biên bản họp số 11/2025/BBH_HĐQT và Nghị quyết số 11/2025/NQ_HĐQT ngày 29/7/2025 của Hội đồng quản trị Công ty thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu, xử lý cổ phiếu lẻ thực tế phát sinh từ đợt phát hành và thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty;
3. Văn bản xác nhận của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh về số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



VƯƠNG VĂN MINH

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN
67 Lê Lợi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY**

(Ban hành kèm Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty số 55/2025/CV_KĐ ngày 29/1/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền)

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Mai Trần Thanh Trang				14.000	1.200.000	1.200.000	16.800.000.000
2	Lý Điền Sơn				14.000	1.100.000	1.100.000	15.400.000.000
3	Vương Văn Minh				14.000	1.000.000	1.000.000	14.000.000.000
4	Lê Hoàng Khởi				14.000	750.000	750.000	10.500.000.000
5	Nguyễn Thùy Dương				14.000	750.000	750.000	10.500.000.000
6	Đặng Thị Thùy Trang				14.000	620.000	620.000	8.680.000.000
7	Phạm Minh Nhựt				14.000	200.000	200.000	2.800.000.000
8	Ngô Thị Thanh Tâm				14.000	140.000	140.000	1.960.000.000
9	Huỳnh Chí Tâm				14.000	125.000	125.000	1.750.000.000
10	Lý Tuấn Kiệt				14.000	125.000	125.000	1.750.000.000
11	Đỗ Duy Long				14.000	110.000	110.000	1.540.000.000
12	Phạm Tuyết Trinh				14.000	95.000	95.000	1.330.000.000
13	Ca Hồ Anh Thư				14.000	114.000	114.000	1.596.000.000
14	Nguyễn Phi Hùng				14.000	102.000	102.000	1.428.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
15	Vũ Thị Ái Quyên				14.000	102.000	102.000	1.428.000.000
16	Đặng Thị Cẩm Dung				14.000	102.000	102.000	1.428.000.000
17	Trần Thị Tiến Thanh				14.000	102.000	102.000	1.428.000.000
18	Nguyễn Thị Thu Hiền				14.000	102.000	102.000	1.428.000.000
19	Nguyễn Ngọc Anh				14.000	90.000	90.000	1.260.000.000
20	Hồ Văn Huy Cường				14.000	66.000	66.000	924.000.000
21	Võ Thị Thúy Lan				14.000	60.000	60.000	840.000.000
22	Trịnh Ngọc Lợi				14.000	52.000	52.000	728.000.000
23	Võ Việt Tín				14.000	48.000	48.000	672.000.000
24	Lê Thị Thùy Huê				14.000	40.000	40.000	560.000.000
25	Nguyễn Quốc Toản				14.000	40.000	40.000	560.000.000
26	Phan Quốc Dũng				14.000	40.000	40.000	560.000.000
27	Quách Hoa Thiên Triều				14.000	40.000	40.000	560.000.000
28	Huỳnh Ngọc Đức				14.000	32.000	32.000	448.000.000
29	Lê Thị Mai Khanh				14.000	32.000	32.000	448.000.000
30	Nguyễn Thị Phương Uyên				14.000	32.000	32.000	448.000.000
31	Nguyễn Thanh Quang				14.000	28.000	28.000	392.000.000
32	Triệu Văn Hiệp				14.000	24.000	24.000	336.000.000
33	Nguyễn Minh Hoàng				14.000	24.000	24.000	336.000.000
34	Võ Tổ Quyên				14.000	24.000	24.000	336.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
35	Mạch Xuân My				14.000	24.000	24.000	336.000.000
36	Phạm Lê Thị Hồng Yến				14.000	24.000	24.000	336.000.000
37	Dương Thụy Phương Khanh				14.000	24.000	24.000	336.000.000
38	Nguyễn Thị Hải Vân				14.000	24.000	24.000	336.000.000
39	Lê Trung Hiền				14.000	35.000	35.000	490.000.000
40	Đào Công Đạt				14.000	35.000	35.000	490.000.000
41	Trần Thị Ngọc Dung				14.000	31.000	31.000	434.000.000
42	Lê Thị Thùy Diễm				14.000	29.000	29.000	406.000.000
43	Nguyễn Thị Quỳnh Trang				14.000	27.000	27.000	378.000.000
44	Hoàng Đức Hùng				14.000	27.000	27.000	378.000.000
45	Nguyễn Thành Ân				14.000	25.000	25.000	350.000.000
46	Lê Anh Thông				14.000	25.000	25.000	350.000.000
47	Trần Thanh Minh				14.000	23.000	23.000	322.000.000
48	Lê Thanh Sang				14.000	23.000	23.000	322.000.000
49	Lâm Kim Ngọc				14.000	21.000	21.000	294.000.000
50	Nguyễn Văn Tiệp				14.000	21.000	21.000	294.000.000
51	Nguyễn Thị Huyền Trang				14.000	21.000	21.000	294.000.000
52	Huỳnh Ngọc Diễm Thùy				14.000	21.000	21.000	294.000.000
53	Nguyễn Đình Minh				14.000	21.000	21.000	294.000.000
54	Đoàn Hồng Minh				14.000	19.000	19.000	266.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
55	Lê Thị Ngọc Trâm				14.000	19.000	19.000	266.000.000
56	Trương Văn Ngọc				14.000	19.000	19.000	266.000.000
57	Nguyễn Bá Tòng				14.000	19.000	19.000	266.000.000
58	Nguyễn Khoa Bảo Linh				14.000	17.000	17.000	238.000.000
59	Liêu Kiện Toàn				14.000	17.000	17.000	238.000.000
60	Trương Minh Lợi				14.000	17.000	17.000	238.000.000
61	Nguyễn Tuấn Thành				14.000	17.000	17.000	238.000.000
62	Nguyễn Viết Hùng				14.000	17.000	17.000	238.000.000
63	Thái Thị Quang Đào				14.000	17.000	17.000	238.000.000
64	Phạm Hồng Phú				14.000	17.000	17.000	238.000.000
65	Nguyễn Khuyến				14.000	18.000	18.000	252.000.000
66	Trần Đức Thắng				14.000	18.000	18.000	252.000.000
67	Cù Thị Phương Thúy				14.000	18.000	18.000	252.000.000
68	Nguyễn Thụy Loan Châu				14.000	16.000	16.000	224.000.000
69	Nguyễn Thị Kim Cúc				14.000	16.000	16.000	224.000.000
70	Đặng Thế Lương				14.000	15.000	15.000	210.000.000
71	Phan Thị Ngọc				14.000	15.000	15.000	210.000.000
72	Hồ Vũ Khanh				14.000	15.000	15.000	210.000.000
73	Trần Duy Đức				14.000	15.000	15.000	210.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
74	Ngô Phước Nguyên				14.000	15.000	15.000	210.000.000
75	Nguyễn Kim Phụng				14.000	15.000	15.000	210.000.000
76	Lê Thị Tuyết				14.000	14.000	14.000	196.000.000
77	Phạm Kim Long				14.000	14.000	14.000	196.000.000
78	Nguyễn Thị Hoàng Hậu				14.000	14.000	14.000	196.000.000
79	Nguyễn Thị Hồng Việt				14.000	13.000	13.000	182.000.000
80	Khương Hữu Cường				14.000	13.000	13.000	182.000.000
81	Nguyễn Phương Bình				14.000	13.000	13.000	182.000.000
82	Huỳnh Minh Trí				14.000	13.000	13.000	182.000.000
83	Trần Thiện Luận				14.000	13.000	13.000	182.000.000
84	Nguyễn Bá				14.000	13.000	13.000	182.000.000
85	Nguyễn Vũ Xuân Hương				14.000	13.000	13.000	182.000.000
86	Phạm Thị Lan				14.000	13.000	13.000	182.000.000
87	Phạm Tiến Dũng				14.000	13.000	13.000	182.000.000
88	Nguyễn Thị Lan Hương				14.000	13.000	13.000	182.000.000
89	Nguyễn Thị Hoàng Khánh				14.000	12.000	12.000	168.000.000
90	Trần Thị Tiểu Niên				14.000	12.000	12.000	168.000.000
91	Phạm Thị Hiền				14.000	12.000	12.000	168.000.000
92	Đặng Thị Tuyết				14.000	12.000	12.000	168.000.000
93	Lê Đình Nhu				14.000	12.000	12.000	168.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
94	Nguyễn Long Việt				14.000	12.000	12.000	168.000.000
95	Phạm Nguyên Tâm				14.000	12.000	12.000	168.000.000
96	Lê Thị Tuyết Trinh				14.000	12.000	12.000	168.000.000
97	Nguyễn Quốc Cường				14.000	12.000	12.000	168.000.000
98	Lê Quang Mẫn				14.000	11.000	11.000	154.000.000
99	Nguyễn Thị Kim Hoàng				14.000	11.000	11.000	154.000.000
100	Trần Thùy Mỹ Huyền				14.000	11.000	11.000	154.000.000
101	Trương Thị Sương				14.000	11.000	11.000	154.000.000
102	Huỳnh Đỗ Nhật Bình				14.000	11.000	11.000	154.000.000
103	Dương Thị Ngọc Hằng				14.000	11.000	11.000	154.000.000
104	Lê Hữu Lợi				14.000	11.000	11.000	154.000.000
105	Nguyễn Đức Mẫn				14.000	11.000	11.000	154.000.000
106	Nguyễn Hồng Điệp				14.000	11.000	11.000	154.000.000
107	Nguyễn Thị Tú Trinh				14.000	11.000	11.000	154.000.000
108	Trần Thị Mận				14.000	11.000	11.000	154.000.000
109	Trần Nguyễn Băng Tâm				14.000	11.000	11.000	154.000.000
110	Nguyễn Trọng Trí				14.000	11.000	11.000	154.000.000
111	Trần Ngọc Nguyên				14.000	11.000	11.000	154.000.000
112	Lê Thị Phương Linh				14.000	11.000	11.000	154.000.000
113	Lê Thị Phương Thảo				14.000	11.000	11.000	154.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
114	Lưu Thị Xuân Lai				14.000	11.000	11.000	154.000.000
115	Mai Trần Thùy Trang				14.000	11.000	11.000	154.000.000
116	Lưu Thị Minh Hiếu				14.000	11.000	11.000	154.000.000
117	Vòng Hải Ngọc				14.000	11.000	11.000	154.000.000
118	Nguyễn Nhất Hồng				14.000	11.000	11.000	154.000.000
119	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên				14.000	11.000	11.000	154.000.000
120	Nguyễn Thị Ngân Giang				14.000	11.000	11.000	154.000.000
121	Nguyễn Thị Thu Diễm				14.000	10.000	10.000	140.000.000
122	Đỗ Thị Mỹ Lệ				14.000	10.000	10.000	140.000.000
123	Huỳnh Đức Nhật				14.000	10.000	10.000	140.000.000
124	Bùi Trí Thiện				14.000	10.000	10.000	140.000.000
125	Nguyễn Thị Thu Hằng				14.000	10.000	10.000	140.000.000
126	Trần Thị Hòa				14.000	10.000	10.000	140.000.000
127	Thị Thoại Vi				14.000	10.000	10.000	140.000.000
128	Trần Thị Thảo Nguyên				14.000	10.000	10.000	140.000.000
129	Phạm Minh Anh				14.000	10.000	10.000	140.000.000
130	Nguyễn Thị Phương Thảo				14.000	10.000	10.000	140.000.000
131	Bùi Thanh Lam				14.000	10.000	10.000	140.000.000
132	Nguyễn Đình Nguyên				14.000	10.000	10.000	140.000.000
133	Vũ Toàn Thắng				14.000	10.000	10.000	140.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
134	Nguyễn Bá Quang				14.000	10.000	10.000	140.000.000
135	Bùi Trọng Nghĩa				14.000	10.000	10.000	140.000.000
136	Trần Đông Hạ				14.000	10.000	10.000	140.000.000
137	Trần Thị Thanh Huyền				14.000	10.000	10.000	140.000.000
138	Trần Thanh Đạt				14.000	10.000	10.000	140.000.000
139	Lương Quốc Bằng				14.000	10.000	10.000	140.000.000
140	Nguyễn Chí Thành				14.000	10.000	10.000	140.000.000
141	Nguyễn Huy Đạt				14.000	10.000	10.000	140.000.000
142	Lê Thị Huỳnh Như				14.000	10.000	10.000	140.000.000
143	Nguyễn Văn Phòng				14.000	10.000	10.000	140.000.000
144	Phan Quang Minh				14.000	10.000	10.000	140.000.000
145	Đặng Thị Phương Thảo				14.000	10.000	10.000	140.000.000
146	Trần Thái Học				14.000	10.000	10.000	140.000.000
147	Nguyễn Thị Thu Hương				14.000	10.000	10.000	140.000.000
148	Đặng Thị Hương				14.000	10.000	10.000	140.000.000
149	Huỳnh Lê Tuyết Phương				14.000	10.000	10.000	140.000.000
150	Đặng Nguyễn Phi Bằng				14.000	10.000	10.000	140.000.000
151	Phạm Thị Nguyệt Ánh				14.000	10.000	10.000	140.000.000
152	Lê Thị Ngọc Bích				14.000	10.000	10.000	140.000.000
153	Lê Thị Thanh Vân				14.000	10.000	10.000	140.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỢP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
154	Trần Bá Khuôn				14.000	10.000	10.000	140.000.000
155	Nguyễn Thanh Tùng				14.000	10.000	10.000	140.000.000
156	Võ Văn Khánh				14.000	10.000	10.000	140.000.000
157	Nguyễn Kiến Thức				14.000	10.000	10.000	140.000.000
158	Nguyễn Quang Sáng				14.000	10.000	10.000	140.000.000
159	Lưu Thoại Mẫn				14.000	10.000	10.000	140.000.000
160	Lê Thị Hà				14.000	10.000	10.000	140.000.000
161	Phạm Lê Phương Thy				14.000	10.000	10.000	140.000.000
162	Võ Thị Hồng Ngọc				14.000	10.000	10.000	140.000.000
163	Đặng Trần Như Linh				14.000	10.000	10.000	140.000.000
164	Nguyễn Tấn Trung				14.000	9.000	9.000	126.000.000
165	Trần Thị Minh Duyên				14.000	9.000	9.000	126.000.000
166	Quách Minh Đức				14.000	9.000	9.000	126.000.000
167	Nguyễn Trần Yến Nhi				14.000	9.000	9.000	126.000.000
168	Nguyễn Ngọc Tuấn				14.000	9.000	9.000	126.000.000
169	Văn Thị Trâm				14.000	9.000	9.000	126.000.000
170	Lê Thị Bích Loan				14.000	9.000	9.000	126.000.000
171	Trần Lê Kiều Thu				14.000	9.000	9.000	126.000.000
172	Nguyễn Thị Trúc Phương				14.000	9.000	9.000	126.000.000
173	Vương Thị Ngọc Anh				14.000	9.000	9.000	126.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
174	Dương Xuân Dũng				14.000	9.000	9.000	126.000.000
175	Hồ Xuân Báu				14.000	9.000	9.000	126.000.000
176	Võ Ngọc Tấn				14.000	9.000	9.000	126.000.000
177	Ngô Văn Thông				14.000	9.000	9.000	126.000.000
178	Võ Hoàng Đan Thanh				14.000	9.000	9.000	126.000.000
179	Ngô Kiều Mi				14.000	9.000	9.000	126.000.000
180	Huỳnh Thị Thanh Diễm				14.000	9.000	9.000	126.000.000
181	Tô Ngọc Thủy Tiên				14.000	9.000	9.000	126.000.000
182	Nguyễn Thị Thanh Hằng				14.000	9.000	9.000	126.000.000
183	Huỳnh Ngọc Trà My				14.000	9.000	9.000	126.000.000
184	Phan Thị Hậu				14.000	9.000	9.000	126.000.000
185	Phan Thị Thu Dung				14.000	9.000	9.000	126.000.000
186	Nguyễn Ngọc Vi Vân				14.000	9.000	9.000	126.000.000
187	Võ Minh Tân				14.000	9.000	9.000	126.000.000
188	Lê Trường Hận				14.000	9.000	9.000	126.000.000
189	Tạ Văn Cương				14.000	9.000	9.000	126.000.000
190	Dương Thùy Linh				14.000	9.000	9.000	126.000.000
191	Trương Minh Triều				14.000	9.000	9.000	126.000.000
192	Phạm Thúy Đạt				14.000	9.000	9.000	126.000.000
193	Nguyễn Thị Quý				14.000	9.000	9.000	126.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
194	Phan Thị Thu Nga				14.000	9.000	9.000	126.000.000
195	Mai Thị Tú Trinh				14.000	9.000	9.000	126.000.000
196	Nguyễn Ngọc Trâm Anh				14.000	9.000	9.000	126.000.000
197	Trần Thúy Diễm				14.000	9.000	9.000	126.000.000
198	Nguyễn Thị Thanh Ngân				14.000	9.000	9.000	126.000.000
199	Ngô Thị Bích Ngọc				14.000	9.000	9.000	126.000.000
200	Phạm Lê Hoàng Thúy				14.000	9.000	9.000	126.000.000
201	Tăng Mạnh Tú				14.000	10.000	10.000	140.000.000
202	Đoàn Văn Sáu				14.000	10.000	10.000	140.000.000
203	Trần Duy Tùng				14.000	9.000	9.000	126.000.000
204	Võ Văn Phú				14.000	9.000	9.000	126.000.000
205	Phạm Thị Thúy Hằng				14.000	9.000	9.000	126.000.000
206	Phạm Xuân Độ				14.000	9.000	9.000	126.000.000
207	Bùi Tôn Thành				14.000	9.000	9.000	126.000.000
208	Đào Ngọc Lâm				14.000	8.500	8.500	119.000.000
209	Trần Thị Diễm Châu				14.000	8.500	8.500	119.000.000
210	Nguyễn Văn Danh				14.000	8.000	8.000	112.000.000
211	Phan Văn Tini				14.000	8.000	8.000	112.000.000
212	Huỳnh Võ Thiên Minh				14.000	7.500	7.500	105.000.000
213	Tô Bá Phương				14.000	7.000	7.000	98.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
214	Nguyễn Hữu Nhân				14.000	6.500	6.500	91.000.000
215	Lý Thị Huỳnh Hoa				14.000	6.500	6.500	91.000.000
216	Nguyễn Minh Trung				14.000	6.500	6.500	91.000.000
217	Nguyễn Thanh Nhân				14.000	6.500	6.500	91.000.000
218	Trần Thanh Ngọc Phú				14.000	6.500	6.500	91.000.000
219	Trịnh Thu Hà				14.000	6.000	6.000	84.000.000
220	Nguyễn Thái Gia Hân				14.000	6.000	6.000	84.000.000
221	Nguyễn Phú Bảo				14.000	6.000	6.000	84.000.000
222	Hồ Hồng Ngọc				14.000	6.000	6.000	84.000.000
223	Đặng Ngọc Mẫn				14.000	6.000	6.000	84.000.000
224	Lê Quốc Hòa				14.000	6.000	6.000	84.000.000
225	Trần Thanh Điền				14.000	6.000	6.000	84.000.000
226	Ngô Văn Hùng				14.000	6.000	6.000	84.000.000
227	Nguyễn Duy Mỹ Hào				14.000	6.000	6.000	84.000.000
228	Nguyễn Thị Mỹ Tiên				14.000	6.000	6.000	84.000.000
229	Chu Thị Tuyết Nhung				14.000	6.000	6.000	84.000.000
230	Nguyễn Văn Thành				14.000	6.000	6.000	84.000.000
231	Nguyễn Xuân Nam				14.000	6.000	6.000	84.000.000
232	Nguyễn Hữu Trí				14.000	6.000	6.000	84.000.000
233	Lê Quốc Giàu				14.000	6.000	6.000	84.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
234	Nguyễn Thành Tuấn				14.000	6.000	6.000	84.000.000
235	Nguyễn Thị Mi Ly				14.000	6.000	6.000	84.000.000
236	Phạm Xuân Cường				14.000	6.000	6.000	84.000.000
237	Bùi Tiến Dũng				14.000	6.000	6.000	84.000.000
238	Nguyễn Trần Phú				14.000	6.000	6.000	84.000.000
239	Nguyễn Huỳnh Quang Thoại				14.000	6.000	6.000	84.000.000
240	Lê Trung Lập				14.000	6.000	6.000	84.000.000
241	Trần Hữu Bảo				14.000	6.000	6.000	84.000.000
242	Đinh Công Hòa				14.000	6.000	6.000	84.000.000
243	Nguyễn Quốc Thuận				14.000	6.000	6.000	84.000.000
244	Đoàn Trường Sơn				14.000	6.000	6.000	84.000.000
						9.960.000	9.960.000	139.440.000.000